

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/02/2018

V/v: “Không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa ông:* Nguyễn Anh Dũng
- *Các Hội thẩm nhân dân ông:* Phạm Hữu Ái và ông Phan Quang Sơn
- *Thư ký phiên tòa ông:* Nguyễn Thành T1 – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân – Bình Thuận.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa bà:* Phạm Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 249/2017/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T** - sinh năm 1970 (có mặt)

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện H, Bình Thuận.

Bị đơn: Anh **Võ Văn B** – sinh năm 1970 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện H, Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Võ Văn B tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 1989 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung thì anh, chị có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, anh B thường xuyên uống rượu về đập phá các tài sản trong nhà và chửi bới chị nhưng chị đã cố gắng chịu đựng, nay tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể sống chung với anh B được nữa, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh B.

Về con chung: Trong thời gian sống chung với nhau như vợ chồng chị và anh B có hai người con chung là Võ Khánh T, sinh năm 1996 và Võ Khánh T1, sinh năm 1998; nay các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX và nguyên đơn đã tuân theo đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với bị đơn thì đã không tuân thủ theo quy định cụ thể là không có mặt trong các lần Tòa án triệu tập cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thấy rằng chị Lê Thị T và anh Võ Văn B sống chung với nhau từ năm 1989 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn nên hôn nhân không hợp pháp. Trong cuộc sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay chị T xin không công nhận quan hệ vợ chồng là có cơ sở nên đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 14, Điều 15, Điều 16 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: HĐXX thấy rằng đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của các đương sự trình bày cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thì chị Lê Thị T và anh Võ Văn B tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1989; anh, chị hội đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy anh, chị đã vi phạm Luật hôn nhân gia đình và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Trong quá trình sống chung với nhau như vợ chồng thì chị T và anh B sống hạnh phúc trong thời gian đầu nhưng những năm gần đây thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B thường xuyên uống rượu, chửi bới và đập phá các đồ dùng trong gia đình nên vợ chồng không còn sự tôn trọng nhau, nay tình cảm của chị T đối với anh B không còn, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung với nhau được nữa nên chị T làm đơn xin không công nhận quan hệ vợ chồng đối với ông Võ Văn B. Tại biên bản xác minh ngày 13/12/2017 thể hiện ông Võ Văn B và bà Lê Thị T sống chung với nhau từ năm 1989 đến nay không có đăng ký kết hôn, trong quá trình sống chung thì ông B và bà T xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã và đánh đập nhau. HĐXX thấy rằng Hôn nhân giữa chị T và anh B là không hợp pháp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Trong

quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần cho anh B nhưng anh không có mặt, việc anh B vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền tham gia tố tụng và chứng minh do đó lời trình bày của chị T là có căn cứ. Do hôn nhân giữa chị T và anh B không đăng ký kết hôn và chị T có đơn xin không công nhận quan hệ vợ chồng nên cần chấp nhận và không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị T và anh Võ Văn B là phù hợp.

Về con chung: Trong thời gian sống chung với nhau như vợ chồng chị T và anh B có hai người con chung là Võ Khánh T, sinh năm 1996 và Võ Khánh T1, sinh năm 1998; nay các con đã trưởng thành và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 BLTTDS; Điều 14, Điều 16, Điều 53, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị T và anh Võ Văn B.

Về con chung: Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đồng án phí HNGĐ sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0016534 ngày 23/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

3. Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VK SND huyện Hàm Tân;
- THA dân sự huyện Hàm Tân;
- UBND xã Tân Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Dũng